

THỰC TRẠNG KHAI THÁC LÂM SẢN TỰ NHIÊN CỦA NGƯỜI DAO Ở VÙNG BIÊN GIỚI XÃ LÙNG VAI, HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI¹

ThS. Đoàn Việt
Viện Dân tộc học
Email: viet_dth@yahoo.com

Tóm tắt: Khai thác lâm sản tự nhiên được coi là loại hình sinh kế sơ khai đặc trưng của cư dân vùng rừng núi, chứa đựng những tri thức tích lũy trong quá trình con người tương tác với thiên nhiên. Bước vào thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng và nhà nước ta đã đưa ra các chính sách, dự án phát triển kinh tế nông thôn, miền núi, tạo nên những thay đổi trên nhiều lĩnh vực, trong đó có sự phát triển nổi bật ở các ngành kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của người dân, bao gồm cả khai thác lâm sản tự nhiên. Bài viết này tìm hiểu thực trạng hoạt động khai thác lâm sản của người Dao ở vùng biên giới xã Lùng Vai, huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai, từ đó phân tích tác động của một số yếu tố tộc người tới hoạt động khai thác này nhằm chỉ ra cơ hội và thách thức đặt ra cho người dân.

Từ khóa: Khai thác lâm sản, tri thức địa phương, Lùng Vai, Mường Khương, Lào Cai.

Abstract: Exploiting natural forest products is considered a primitive type of livelihood typical of residents in mountainous areas, which contains accumulated knowledge in human interaction with nature. Since our country entered the period of industrialisation and modernisation, the Party and State have introduced policies and projects to develop rural and mountainous economies, creating changes in many fields. Among these are outstanding developments in economic sectors that directly affect people's livelihoods, including exploiting natural forest products. This article explores Dao people's current exploitation activities of forest products in the border area of Lung Vai commune, Muong Khuong district, Lao Cai province. Thereby, it analyses the impact of some ethnic factors on this exploitation to point out the opportunities and challenges posed to the people.

Keywords: Forest product exploitation, local knowledge, Lung Vai, Muong Khuong, Lao Cai.

Ngày nhận bài: 29/8/2022; ngày gửi phản biện: 6/9/2022; ngày duyệt đăng: 9/10/2022.

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “Các dòng chảy lâm sản của một số tộc người vùng biên giới huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Nguyễn Công Thảo làm chủ nhiệm năm 2021-2022.

Mở đầu

Các nghiên cứu ở Việt Nam đều ghi nhận vai trò “không thể thiếu” của khai thác lâm sản tự nhiên trong sinh kế gia đình, sinh kế tộc người, đặc biệt là nhóm cư dân nông thôn miền núi. Hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên ở các tộc người diễn ra quanh năm, không chỉ đảm bảo nhu cầu về thực phẩm, thuốc chữa bệnh... mà còn bù đắp sự thiếu hụt lương thực khi trồng trọt không đáp ứng được, nhất là những năm đói kém, mất mùa (Bùi Bích Lan, 2013). Khai thác lâm sản là “*nguồn thu nhập bổ trợ*” cho sản xuất nông nghiệp, vừa giải quyết các nhu cầu về kinh tế, vừa thể hiện các giá trị văn hóa tộc người sâu sắc bao gồm những hiểu biết về môi trường rừng và thời tiết, mùa vụ (Trần Hồng Hạnh, 2018). Trong giai đoạn hiện nay, khai thác lâm sản tự nhiên không chỉ giải quyết các nhu cầu nội sinh mà còn chịu sự tác động từ bên ngoài như phục vụ nhu cầu của các khối cư dân ngoài địa phương, khách du lịch, các thương lái từ nơi khác đến..., đã góp phần làm suy kiệt nguồn lợi tự nhiên ở hầu khắp các khu vực miền núi nói chung và ở Lào Cai nói riêng. Hoạt động buôn bán các sản phẩm lâm sản qua biên giới, chủ yếu là với các thương lái Trung Quốc, sự can thiệp về giá, đẩy giá các loại lâm thổ sản khác nhau lên cao tạo nên các cơn sốt khai thác tới cạn kiệt nguồn tài nguyên (Ramboo, 1997). Nhu cầu sử dụng thuốc nam của một bộ phận dân cư, đặc biệt là khối dân cư thành thị, cũng là một trong những nguyên nhân thúc đẩy người dân miền núi gia tăng các hoạt động khai thác nguồn dược liệu thiên nhiên từ rừng (Trần Hồng Hạnh, 2018). Khai thác lâm sản không chỉ đơn thuần là một hành vi sinh kế mà còn là phao cứu sinh “bảo hiểm” nguồn lương thực. Chính vì vậy, ở các cộng đồng cư dân ấy hình thành nên các cơ chế về quyền tiếp cận và khai thác nguồn lợi thiên nhiên (Vương Xuân Tình, 2005). Khai thác lâm sản tự nhiên ngoài giá trị kinh tế còn thể hiện kho tàng tri thức, kinh nghiệm của người dân đối với môi trường sống (William D. Sunderlin, Huỳnh Thu Ba, 2005). Tuy nhiên, quá trình phát triển, thương mại hóa cây lâm sản hiện nay cũng phải đối mặt với nhiều thách thức đến từ trong và ngoài nước, đặc biệt đối với các cộng đồng sinh sống ở vùng biên giới. Chính sách xuất nhập khẩu, quản lý vùng biên, sự bất ổn của thị trường, chất lượng rừng, kinh nghiệm của người dân là những tác nhân có ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả và sự bền vững của quá trình này (Nguyễn Công Thảo, 2022a; 2022b).

Trên cơ sở tư liệu thực địa của ba cuộc điền dã dân tộc học vào tháng 11 năm 2021 và tháng 1, tháng 4 năm 2022, bài viết tìm hiểu sâu về hoạt động khai thác các nguồn lợi lâm sản tự nhiên của người Dao xã Lùng Vai, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Đồng thời xem xét vai trò của hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên trong đời sống tộc người và một số các ảnh hưởng từ những yếu tố tộc người tới loại hình sinh kế này.

1. Địa bàn nghiên cứu

Xã Lùng Vai nằm ở phía nam của huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, cách trung tâm huyện lỵ 25 km, cách trung tâm tỉnh lỵ 25 km, phía đông giáp các xã Cao Sơn, La Pán Tân, phía nam giáp các xã Bản Sen, Bản Lầu, phía tây giáp xã Nậm Cháy, Bản Lầu và trấn Nam Khê, huyện Hà Khẩu, châu Hồng Hà tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Xã có 21 thôn bản, trước đây người

dân chủ yếu sinh sống bằng các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi, sau này phát triển thêm việc lao động làm thuê xuyên biên giới và buôn bán các sản phẩm nông sản địa phương, bao gồm cả khai thác lâm sản tự nhiên. Với diện tích đất lâm nghiệp lớn (chiếm 53,98% tổng diện tích đất tự nhiên), người dân Lũng Vai sinh sống gắn bó với rừng, tham gia lao động sản xuất trên đất rừng và khai thác các nguồn lợi lâm sản tự nhiên từ rừng.

Dân cư xã Lũng Vai có sự biến động lớn kể từ sau chính sách tái sắp xếp dân cư biên giới của Nhà nước được thực hiện từ những năm đầu thập niên 1990. Bên cạnh khối cư dân tại chỗ còn có các cộng đồng dân cư dịch chuyển từ các xã vùng cao của huyện như Văn Bàn, Cao Sơn, La Pán Tẩn và các xã khu vực biên giới như Tả Ngải Chồ, Dìn Chinh về. Hiện trên địa bàn xã có 12 tộc người anh em cùng sinh sống gồm Kinh, Tày, Nùng, Thái, Hmông, Dao, Mường, Sán Chay, Giáy, Hà Nhì, Phù Lá và Bó Y. Tính đến tháng 4 năm 2021 người Dao ở xã có tổng cộng 717 nhân khẩu, chiếm 11,61% tổng dân số, thuộc hai nhóm Dao Đỏ và Dao Tuyển, cư trú tập trung chủ yếu ở hai thôn Na Lang và Cốc Lầy (UBND xã Lũng Vai, 2021). Họ được cho là những người dân gốc, sinh sống, cư trú lâu đời tại địa phương, thông thạo địa bàn, sở hữu nhiều khu vực đất đai màu mỡ, thuận tiện trên địa bàn, có đời sống gắn bó chặt chẽ với rừng, đặc biệt trong các hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên.

2. Khai thác lâm sản tự nhiên

Lâm sản tự nhiên là tất cả những sinh vật bao gồm thực vật, động vật và côn trùng có nguồn gốc tự nhiên không phải do con người nuôi trồng trong quá trình tương tác với thiên nhiên. Lâm sản tự nhiên được khai thác chủ yếu từ rừng. Rừng theo quan niệm truyền thống của người Dao là một sinh cảnh sống bao gồm cả quần thể động thực vật, trong đó vạn vật đều có linh hồn, đại diện tiêu biểu là “thần rừng”. “Thần rừng” cai quản tài sản rừng và cung cấp tài sản đó cho con người sinh sống, do vậy con người phải nhớ ơn, thờ phụng thần rừng để không bị quỷ trách, gieo bệnh tật, tai họa tới làng bản, các cá nhân trong cộng đồng. Do vậy, hàng năm các thôn bản đều tổ chức cúng thần rừng. Các khu rừng thường được đặt tên theo những huyền tích, truyền thuyết dân gian hay đặc trưng tiêu biểu của khu rừng, như: rừng *Cối Xay* (xưa lấy đá ở đó về làm cối xay), rừng *Tùng Vả* (rừng con lợn hay về tắm ở vũng), rừng *Đồi Nhím* (rừng đồi, nơi có nhiều nhím sinh sống), rừng *Pèng Pẹ* (rừng tảng đá trắng)... Việc phân định các ranh giới rừng thường dựa vào những điểm mốc tự nhiên như khe, suối, mỏm đá, đỉnh núi,... Mọi quy ước về ranh giới đều được thoả thuận miệng. Thoả thuận đó được truyền lại cho đời sau thông qua các câu chuyện, những lời dặn dò và thông qua các hoạt động sinh hoạt kinh tế thường nhật. Hiện nay, ngoài khái niệm rừng truyền thống, người Dao ở Lũng Vai còn hiểu rừng theo cách phân định của Nhà nước và chính quyền địa phương, chủ yếu gồm ba loại: rừng đầu nguồn (rừng cộng đồng, bảo vệ nguồn nước của cộng đồng), rừng 661 (rừng khoanh nuôi bảo vệ được quản lý bởi các cơ quan kiểm lâm), rừng giao cho thôn bản và hộ gia đình quản lý.

Nhiều thập kỷ trước đây, nguồn lâm sản tự nhiên người Dao ở Lũng Vai khai thác khá phong phú về chủng loại bao gồm thực vật (cây thân gỗ, thân thảo, dây leo...); động vật (côn

trùng, các loại động vật không xương sống, các loại thú có vú...). Tùy mục đích sử dụng như xây dựng, chế biến thành lương thực, thực phẩm, làm dược liệu... mà họ chọn lựa khai thác các loại lâm sản khác nhau. Gắn với mỗi mục đích khai thác là hệ thống tri thức hiểu biết về cánh rừng, về giá trị nguồn tài nguyên và kinh nghiệm sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả. Hiện nay, do tác động của các chính sách Nhà nước, thực trạng tài nguyên rừng và các yếu tố hiện đại hóa, toàn cầu hóa... khiến cho việc khai thác lâm sản tự nhiên ở người Dao xã Lùng Vai có những biến đổi nhất định.

2.1. Khai thác lâm sản gỗ

Huyện Mường Khương nằm ở khu vực vùng cao của tỉnh Lào Cai nhưng địa phận xã Lùng Vai lại là vùng trũng, có địa thế thấp hơn so với các xã lân cận, đồng thời có nhiều thung lũng, khe hẹp, con suối, lạch nước nên thảm thực vật đặc hữu của rừng cũng phong phú hơn so với khu vực vùng cao, núi đá. Cho tới cuối năm 2021, người Dao ở Lùng Vai liệt kê lại được tới gần 20 loài cây cho gỗ sinh trưởng ở vùng rừng núi thuộc địa bàn xã. Tùy thuộc vào mục đích sử dụng mà họ khai thác những loại gỗ khác nhau. Chẳng hạn như dùng làm cột nhà có các loại *trai đất, nghiêng, đỉnh thối, khao, sến, chò chỉ...*, đây là những loại cây cho gỗ to, thẳng, đẹp, ít mối mọt, đủ độ vững chắc để chống đỡ cho ngôi nhà. Những loại gỗ có thể dùng để làm sàn, làm ván, vách nhà như *sa mộc, xoan, dổi, sàng pá, xước cla, ...* Những loại thích hợp để đóng giường tủ, đồ dùng gia đình hoặc làm chuồng trại như *son trà, noong phẳng, hồng chà, đáng nánh, ...*

Cho đến những năm 1980, việc khai thác gỗ rừng của người Dao ở Lùng Vai chủ yếu phục vụ nhu cầu tại chỗ của người dân, hiếm khi trở thành hàng hóa có giá trị trao đổi. Việc khai thác truyền thống chủ yếu dựa vào các công cụ thủ công đơn giản và sức người nên cơ bản rừng vẫn giữ được các cây to, tốc độ tái sinh của rừng tiệm cận khá sát với tốc độ khai thác của người dân. Mặt khác, việc quản lý cộng đồng thôn bản đối với rừng cũng làm cho việc khai thác gỗ rừng được kiểm soát bởi những chuẩn mực cộng đồng. Kể từ sau 1980, đặc biệt là giai đoạn sau 1990 tới những năm đầu 2000, cùng với tốc độ phát triển chung của cả nước, hệ thống đường giao thông dần được mở rộng, kinh tế thị trường ngày càng phát triển, gỗ trở thành loại hàng hóa giá trị có khả năng giúp người dân thoát nghèo nhanh. Việc khai thác gỗ cũng được hiện đại hóa bởi các phương tiện máy móc có gắn động cơ, mặt khác vai trò kiểm soát của cộng đồng trở nên mờ nhạt bởi quy định của chính sách quản lý rừng..., tất cả điều đó khiến cho những cánh rừng mất đi nhanh chóng. Cho đến giai đoạn 2014-2017, việc khai thác gỗ từ rừng tự nhiên bị cấm tuyệt đối thì cũng là lúc người dân nhận thấy hầu như nguồn gỗ quý của rừng đã không còn. Kể từ sau 2017 cho tới nay, việc khai thác gỗ trên địa bàn xã Lùng Vai có sự thay đổi, từ chỗ chỉ khai thác các loại cây to, gỗ tốt có giá trị thương phẩm thì hiện nay việc khai thác các loại gỗ ít giá trị hơn, đường kính nhỏ từ 8-10cm, đủ điều kiện để làm gỗ ép công nghiệp cũng bị xâm hại, khai thác trái phép. Thậm chí những gốc cây to đã bị đốn hạ từ trước cũng được đào lên lấy gốc và rễ để bán lại cho các doanh nghiệp ép gỗ, sản xuất các chế phẩm từ gỗ trên địa bàn. Cho tới thời điểm điều tra đầu năm 2022, hiện tượng khai thác trộm

gỗ, chủ yếu ở các khu vực rừng 661 và rừng giao cho thôn bản, hộ gia đình vẫn xảy ra. Chẳng hạn, giai đoạn 2019-2021, Hạt Kiểm lâm huyện Mường Khương xử lý 17 trường hợp xâm hại rừng trái phép ở xã Lùng Vai, bao gồm cả khai thác gỗ và chặt phá rừng làm nương. Tuy nhiên, chúng tôi cũng ghi nhận trong số những trường hợp bị xử lý này không có đối tượng là người dân tộc Dao.

2.2. Khai thác các nguồn lâm sản khác

2.2.1. Lâm sản tự nhiên sử dụng làm lương thực, thực phẩm

Ngoài gỗ, người Dao ở Lùng Vai còn khai thác nhiều loại lâm sản tự nhiên làm lương thực, thực phẩm bổ sung cho hoạt động nông nghiệp. Thứ nhất, các loại thực vật được sử dụng làm lương thực. Những loại lâm sản này đóng vai trò cung cấp lương thực rất lớn trong thời gian giáp hạt hoặc khi mất mùa, đói kém. Có thể kể đến một số loại tiêu biểu như: nõi cây đao, củ mài, củ khoai mon, khoai sọ,... Các loại lâm sản này thường được khai thác lấy bột, xử lý ngâm nước hoặc lọc cho hết các chất chát rồi đồ chín, nặn thành bánh hoặc nấu thành cháo đặc, nấu độn với gạo thành cơm, xôi độn.

Các loại rau rừng được khai thác sử dụng làm thực phẩm vô cùng phong phú, tùy thuộc theo từng mùa mà người dân có những kỹ năng và tri thức khai thác các loại rau khác nhau. Đa số các loại rau phổ biến có thể khai thác quanh năm như: thân chuối, hoa chuối, rau má, rau dớn, rau tầm bóp, rau xương cá, rau trầu, rau cánh chim, rau diếp cá, rau bồ công anh, rau rút rừng, cà gai,... Ngoài ra, còn có các loại rau đặc sản theo mùa, chỉ xuất hiện vào thời gian ngắn trong năm như mùa xuân, khoảng từ tháng giêng cho tới tháng ba có các loại rau đặc sản như măng vầu, rau ngót rừng, mầm riềng rừng...; mùa hè từ khoảng tháng 6 đến tháng 8 có măng nứa, một số các loại nấm như mộc nhĩ, nấm hương, nấm trắng,... Một số các loại quả rừng cũng được khai thác làm thức ăn, thực phẩm phụ trợ như xoài rừng, vải rừng, sấu rừng, chuối rừng, vả rừng, sung rừng, chôm chôm rừng, quả *dít tà linh*, quả *dòn đìn thung*, quả *dăng chá*,... Trong chăn nuôi cũng sử dụng nhiều nguồn lương thực, thực phẩm thu hái từ rừng, người Dao cho biết có một số loại cây, lá nuôi lợn rất hiệu quả, khỏe mạnh và nhanh lớn, gọi chung là rau lợn.

Trước đây, hầu như các lâm sản tự nhiên sử dụng làm lương thực, thực phẩm phụ trợ được sử dụng trong gia đình, khi không sử dụng hết người dân có các biện pháp bảo quản như phơi khô (măng, mộc nhĩ, nấm...) hoặc muối chua (măng) để dùng dần. Kể từ những năm 2000 trở lại đây, khi các điểm thị tứ trên địa bàn huyện Mường Khương ngày càng phát triển; mạng lưới điện, đường, trường, trạm dần được hoàn thiện kéo theo sự xen cư của một bộ phận người Kinh trên địa bàn xã Lùng Vai thì nhu cầu về các loại rau rừng, được coi là nguồn thực phẩm sạch, an toàn, là loại thực phẩm đặc sản, trở thành loại hàng hóa có giá trị trao đổi thành tiền. Chủ yếu các loại rau rừng đặc sản này được bán tại những điểm chợ trung tâm xã hoặc mang ra chợ huyện Mường Khương vào các ngày chợ phiên. Mặc dù có giá trị kinh tế nhưng do sản lượng kiếm được không nhiều nên thu nhập trung bình cho một ngày đi kiếm rau rừng

để bán cũng không cao. Chẳng hạn như vào mùa măng nửa năm 2021, hai lao động đi thu hái trong một ngày, đoạn đường có thể đi xe máy khoảng 3-4 km, còn lại là đi bộ, leo dốc theo lối mòn vào trong rừng khoảng 6-7 km. Tối đa một ngày hai lao động thu được khoảng 30-60kg măng. Giá măng vầu bán tại chợ Lùng Vai khoảng 12.000-15.000 đồng/kg. Như vậy, hai lao động trong một ngày kiếm được khoảng 360.000 - 900.000 đồng. Tùy theo thời điểm mùa măng rộ, số lượng măng kiếm được nhiều hay ít mà giá cả cũng có sự lên xuống không nhất định, càng kiếm được nhiều giá lại càng rẻ. Do vậy, trung bình trong hai tháng mùa măng, mỗi lao động đi làm được khoảng 20-30 ngày, cả mùa thu nhập được khoảng từ 3,6 đến 4,5 triệu đồng (PV ông Đặng Văn B., 1977, Na Lang, Lùng Vai). Các loại rau, quả khác cũng tương tự, một số loại hiếm gặp như rau dớn, mầm giềng rừng, cà gai... một số loại khó khai thác vì mọc trên khu vực đá cao, sắc nhọn như rau rút rừng... khiến người đi thu hái trong một ngày không khai thác được nhiều. Một buổi sáng, một người đi hái rau thường được khoảng 10 - 20 bó, tùy loại có loại bó to bằng bắp chân như rau dớn, rau ngọt rừng, có loại bằng ba ngón tay chụm như rau rút rừng... có giá khoảng 5.000 đồng/bó. Hiện nay, cùng với sự suy thoái rừng tự nhiên, hoạt động canh tác trồng cây lâm sản trên nền rừng và phun thuốc sâu khiến một số loại lâm sản đặc hữu bị suy thoái hoặc không còn mọc lên nữa, chẳng hạn như hạt dổi, hạt tiêu rừng, một số loại nấm như *nấm tùng cùn sấu*, *nấm sấu hung*, *nấm sấu đặc*, *nấm sấu pê*... (PV bà Lý Thị K., 1976, Na Lang, Lùng Vai).

2.2.2. Lâm sản tự nhiên sử dụng làm thuốc

Hiện nay còn rất ít gia đình người Dao ở Lùng Vai khai thác lâm sản tự nhiên dùng làm thuốc chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe trong gia đình. Khác với người Dao ở Sa Pa thường xuyên tắm nước lá thuốc, người Dao ở Bát Xát thường xuyên uống các loại nước nấu từ dược thảo, người Dao ở Lùng Vai xưa nay chỉ tắm nước lá và uống nước lọc. Hầu hết các ý kiến phỏng vấn đều cho rằng họ có biết cách sử dụng dược thảo để chữa một số bệnh thông thường như ho, sổ mũi, đau đầu, cảm mạo..., nhưng ngày nay cũng không sử dụng phương thức chữa bệnh truyền thống mà chủ yếu sử dụng tân dược. Việc khai thác thảo dược chỉ được thực hiện ở một số hộ gia đình có truyền thống làm nghề thuốc. Chẳng hạn như hộ ông Đặng Văn B. ở thôn Na Lang, Lùng Vai thỉnh thoảng có khai thác các vị thuốc như giảo cổ lam, nhân trần để nấu nước uống. Nhà anh cũng lưu giữ bài thuốc chữa cho phụ nữ bị tê cứng chân tay sau sinh nở bao gồm bài thuốc sử dụng ba loại dược thảo là hai loại lấy dây, một loại lấy lá đun nước tắm. Hộ bà Tần Mây L., thôn Na Lang xã Lùng Vai sử dụng một số loại thảo dược bí truyền thành bài thuốc dân gian chữa một số bệnh gan và thận. Không chỉ thu hái nguồn thảo dược tự nhiên, bà còn nhân giống và trồng thảo dược trong vườn nhà để duy trì nguồn nguyên liệu chế thuốc. Dù vậy, bài thuốc của bà lang hầu như không được sử dụng trong cộng đồng tại chỗ mà chỉ bán được cho những người khách ở bên ngoài đặt mua.

2.2.3. Lâm sản tự nhiên từ côn trùng, động vật

Người Dao ở Lùng Vai có tập quán sử dụng một số loại côn trùng làm thức ăn. Các loại côn trùng quen thuộc gồm có nhộng ong vàng (loại ong chỉ cho nhộng, không làm mật), sâu

tre, sấu, đao, dế, ve sấu, trứng kiến,... Trước đây, nguồn đạm từ côn trùng được người dân đánh bắt về chủ yếu sử dụng tại chỗ, trong gia đình, hiếm khi trở thành hàng hóa do số lượng kiếm được theo cách thủ công khá hạn chế; mục đích khai thác côn trùng không đặt lên hàng đầu mà thường được thực hiện kết hợp với các hoạt động đi rừng khác như làm nương, kiếm củi, kiếm rau ăn,... Từ khoảng năm 2010 trở lại đây, hầu khắp các loại côn trùng mà người dân đánh bắt được đều trở thành hàng hóa có giá trị, thậm chí còn được khách mua, đặt trước khi tìm kiếm được sản vật. Thời điểm những năm 2020-2021, trứng kiến có giá 200.000 đồng/lạng, ve sấu 250.000 đồng/kg, con *kén pin* (côn trùng có cánh, bay được, đầu đen, thân đốm vàng) giá 1.200.000 đồng/kg, các loại khác như sấu tre, sấu đao cũng có thể bán lấy tiền (PV anh Lý Văn S., 1981, thôn Cốc Lầy, xã Lùng Vai).

Nguồn đạm động vật rừng đóng vai trò khá quan trọng trong đời sống kinh tế, văn hóa của đồng bào người Dao ở Lùng Vai. Những người phụ nữ thường khai thác các loại động vật nhỏ như ốc đá, hoặc các loại thủy sản ở các khe suối như tôm, cá, cua,... Nam giới thường săn bắn bằng nỏ, súng kíp hoặc gài bẫy các loại thú lớn. Việc săn bắn ngoài ý nghĩa tìm kiếm nguồn đạm động vật còn mang ý nghĩa bảo vệ an toàn cho con người và mùa màng. Mùa đi săn thường diễn ra vào lúc thời tiết khô ráo, khoảng cuối thu hoặc đầu đông vì thời gian này lượng thức ăn khan hiếm thú rừng xuất hiện nhiều, dành nhiều thời gian kiếm ăn nên dễ dàng săn bắt. Vào mùa xuân, việc săn bắn ít nhiều bị hạn chế vì đây là thời gian nguồn thức ăn dồi dào, khí hậu ẩm ướt, đi lại khó khăn, động vật đang trong mùa sinh sản,... Trong thập niên cuối của thế kỷ 20, nhu cầu thịt rừng ở địa bàn tỉnh Lào Cai nói chung, ở Mường Khương và Lùng Vai nói riêng trở nên vô cùng sôi động. Giá thịt của các loại động vật hoang dã được trả cao khiến một bộ phận người dân, đặc biệt là thanh niên trai tráng trở thành thợ săn chuyên nghiệp. Họ lập thành các nhóm thợ săn đi xuyên từ khu rừng này tới khu rừng khác cả trong và ngoài huyện để săn bắt thú hoang cung cấp cho thị trường đang khát hàng. Cho tới khoảng đầu những năm 2000, về cơ bản rừng ở Mường Khương đã không còn các loài thú lớn như nai, lợn rừng,... Từ trước những năm 2000-2005 còn rất nhiều các loại rùa đen, ba ba núi..., đi dọc các con suối, dòng chảy đều có thể dễ dàng tìm thấy nhưng người dân cũng ít khai thác chúng để ăn. Tuy nhiên, do nhu cầu thị trường bên ngoài tăng cao khiến chúng bị khai thác triệt để, tận diệt. Hiện nay, hầu như không thể tìm thấy rùa, ba ba trong các cánh rừng ở xã (PV anh Lý Phúc V., 1982, Cốc Lầy, Lùng Vai). Một trong những loại lâm sản tự nhiên có giá trị là mật ong. Trước đây, tổ ong mật thường được khai thác vào mùa khô, những tháng cuối năm nhưng hiện nay họ khai thác bất cứ khi nào tìm được tổ, nếu không thì sẽ bị người khác khai thác mất. Thời giá tháng 11/2021, mật ong rừng mua tại chỗ ở Lùng Vai là 500.000 đồng/lít. Đối với những tổ ong ở vị trí hiểm trở như trên cây quá cao, trên vách núi quá dốc... họ thường bán thông tin cho các đội thợ khai thác ong ở thành phố Lào Cai và được trả công tùy theo số lượng mật mà đội khai thác này thu được (PV anh Lý Xuân M., 1995, Cốc Lầy, Lùng Vai)

Khoảng từ những năm 2000 trở lại đây, ngành kiểm lâm và chính quyền địa phương tăng cường siết chặt quản lý việc cấm săn bắt thú rừng, đồng thời thực hiện các chiến dịch

tịch thu súng đạn nên hầu như không còn người săn bắn thú rừng mà hầu hết chỉ sử dụng các loại bẫy để săn bắt các loại thú nhỏ hay về phá mùa màng như chuột, dúi, sóc, cầy hôi, don, nhím, gà rừng, chim chóc,... Thú bẫy được bán lấy tiền để mua thực phẩm, hoặc bán làm vật nuôi sẽ lợi hơn là dùng chúng làm thực phẩm. Việc bẫy thú rừng để nuôi, bán làm thú cưng cũng là một trong những hoạt động mà chúng tôi ghi nhận được ở Lũng Vai. Một con chim chào mào đẹp có thể bán được tới 700.000 đồng, gà rừng 500.000 đồng/con trống, sóc đuôi đỏ 500.000 đồng/con... (PV anh Lý Xuân M., 1995, Cốc Lầy, Lũng Vai).

2.2.4. Các loại lâm sản tự nhiên có giá trị thương phẩm

Khai thác lâm sản để bán phát triển mạnh ở Lũng Vai từ khoảng sau những năm 2000, khi có thương nhân từ bên ngoài, phần lớn là người Trung Quốc tới tìm mua. Hầu hết người dân đều không biết công dụng của các loại lâm sản tự nhiên đó, chỉ biết được trả giá cao thì khai thác về bán. Tùy từng thời điểm mà thương lái thu mua ồ ạt những loại lâm sản khác nhau, hết loại này đến loại khác. Nguồn lợi tự nhiên này thật sự hấp dẫn người dân bởi họ không mất công trông, chăm sóc tưới bón, chỉ bỏ ra một ít công sức là đã thu được thành quả mà ở một số thời điểm lại cho lợi nhuận hơn hẳn những hình thức lao động khác. Qua tìm hiểu thực tế ở địa phương, chúng tôi được biết một số loại lâm sản mà người dân khai thác về bán cho thương lái như: *củ sâm rừng, củ gừng rừng, củ hoàng tinh, củ ngóng cha ma, củ tung nhầy, củ mác kẻoén pín, củ nghệ rừng, củ chín tầm, củ giềng rừng, cây mác chuồn cla, cây bẫy lá, cây hung sủ, lá dong lõi cây dương xỉ, cỏ chít,...* Tùy theo độ quý hiếm, kích cỡ của các loại lâm sản này mà thương lái thu mua với mức giá khác nhau. Chẳng hạn như *củ tung nhầy*, giá thu mua năm 2020 là 350.000 đồng/kg, tuy nhiên đây là loại củ nhỏ, mỗi năm chỉ mọc thêm được một đốt ngón tay, người đi rừng may mắn tìm được cũng chỉ từ 0,3-0,5 kg; các loại củ khác như *củ sâm rừng, củ ba mươi* giá cả biến động tùy theo năm, giai đoạn 2014 - 2015 có giá khoảng 15.000 đồng/kg nhưng vào năm 2021 chỉ còn 6.000 đồng/kg (PV bà Lý Thị H., 1974, Na Lang, Lũng Vai).

Nhìn chung, các loại lâm sản khai thác bán cho thương lái là những loài thực vật đặc hữu của thảm thực vật rừng tự nhiên ở xã Lũng Vai. Việc thương lái thu mua ồ ạt, người dân khai thác theo kiểu tận diệt khiến môi trường rừng bị hủy hoại nghiêm trọng, tài nguyên lâm sản suy kiệt. Chẳng hạn để đào được loại củ *ngóng cha ma* phải đào sâu xuống nền rừng từ 0,5-1m mới lấy được một gốc 5-6 kg củ; để lấy được *củ gừng rừng* phải trèo lên các phiến đá cao, nơi cây mọc thành chùm trên mặt đá, việc khai thác loại lâm sản này làm trơ mặt đá, cây khó có điều kiện tái sinh. Cho tới thời điểm đầu năm 2022, trữ lượng một số loại lâm sản tự nhiên được khai thác bán cho thương lái như đã kể trên hầu như không đáng kể; số lâm sản mọc tái sinh chưa đủ độ khai thác cũng lác đác; việc khai thác các cây lâm sản để bán không cho giá trị thu nhập cao. Chẳng hạn những loại củ rừng có giá trị cao như *ngóng cha ma* thường kiếm được không nhiều, một người lao động trong một ngày đi kiếm lâm sản may mắn thu được 0,2 - 0,5 kg, trong khi những loại cây, củ thu được nhiều, nặng cân thì giá trị lại

thấp. Tại thời điểm đầu năm 2022, trung bình mỗi ngày một lao động thu được khoảng 100.000-150.000 đồng (PV chị Lý Mây C., 1994, Cốc Lầy, Lũng Vai).

3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên

3.1. Mở rộng sản xuất nông nghiệp và giống cây trồng

Khoảng từ năm 2010 trở về trước, canh tác nông nghiệp của người Dao ở Lũng Vai chủ yếu vẫn duy trì lối canh tác truyền thống, hàng năm chỉ trồng vài loại lương thực chính như lúa nương và ngô, kết hợp trồng xen một số loại bầu, bí với cây lương thực. Thời gian nông nhàn chiếm khá nhiều khiến việc khai thác nguồn lâm sản tự nhiên bổ sung là tất yếu. Từ sau những năm 2010, việc phát triển các hình thức canh tác nông nghiệp mới bao gồm cả theo các chủ trương, chính sách của Nhà nước và sự nhạy bén của người dân tìm kiếm các loại cây trồng có giá trị thương phẩm, khiến thời gian lao động sản xuất tăng lên và thời gian khai thác lâm sản tự nhiên giảm dần. Việc phát triển các cây trồng mới còn tạo ra các cơ hội việc làm được trả bằng tiền mặt, chẳng hạn việc phát triển cây chè ở xã Lũng Vai từ khoảng năm 2015 đã tạo nên một mạng lưới vùng nguyên liệu, cơ sở sơ chế, sản xuất thành phẩm ngay trên địa bàn. Diện tích chè tăng hàng năm, năm 2018 có 879 ha, năm 2019 là 916 ha và năm 2020 là 940 ha. *“Trồng chè bận lắm, rất nhiều công việc, thời gian thu hái lại liên tục, khoảng 40-60 ngày lại cho thu hoạch một lần, mỗi lần phải hái nhanh không chè bị già nên cần rất nhiều lao động, các hộ trồng chè phải đi làm đổi công cho nhau, lúc làm không kịp phải thuê thêm người”* (PV anh Lý Văn T, 1983, Na Lang, Lũng Vai). *“Nhà ai nhiều chè đều phải thuê thêm lao động, làm chè nhiều việc, phát nương, làm cỏ chè, phun thuốc, hái chè... đều cần lao động mà phải làm nhanh cho kịp thu hoạch. Mỗi ngày công đi làm thường được trả 200.000 đồng, nếu không có đất chè đi làm quanh xã thì một tháng cũng phải được ít nhất 10 - 12 ngày có việc, nên cũng ít chọn đi rừng”* (PV anh Tân Seo M., 1987, Na Lang, Lũng Vai). Ngoài cây chè, hiện ở Lũng Vai còn phát triển nhiều loại cây trồng khác như chuối từ khoảng những năm 2010, cây sa nhân, ba kích tím, quế... vào khoảng những năm 2014 - 2015.

Nhìn chung, việc phát triển kinh tế trồng trọt, chuyển đổi và phát triển các giống cây trồng mới bao gồm cả các loại cây ăn trái, cây công nghiệp và cây lâm sản đã tạo nên hai yếu tố tác động tới hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên của người Dao ở Lũng Vai. *Một là*, thời lượng, khối lượng lao động sản xuất tăng lên với lịch mùa vụ khá khép kín khiến người dân ít quan tâm hơn và khó tiếp cận với các hoạt động thu hái lâm sản tự nhiên. *Hai là*, việc thương mại hóa sức lao động tạo ra thu nhập thường xuyên ở địa phương khiến cho người dân ít lựa chọn các hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên vốn cho thu nhập bấp bênh, phụ thuộc thị trường.

3.2. Phát triển nguồn lực con người

Phát triển nguồn lực con người của người Dao ở Lũng Vai kể từ những năm 2000 trở lại đây có sự thay đổi cả về lượng và chất. Tỷ lệ sinh của các cặp vợ chồng trẻ, đặc biệt ở lứa tuổi cha mẹ sinh từ 1990 trở lại đã giảm nhiều so với trước, mỗi cặp vợ chồng có từ 2-3 con. *“Trước đây mọi người không có kế hoạch sinh nở, cứ chữa là đẻ. Nay hầu hết mọi người đều*

có kế hoạch về đẻ bao nhiêu con. Ai cũng hiểu việc đẻ nhiều chính là nguyên nhân của nghèo đói, không nuôi dạy được con tốt sau này cuộc sống của nó khổ sở mình cũng không vui về gì” (PV bà Lý Thị K., 1976, Na Lang, Lũng Vai). Công tác chăm sóc trẻ em được nâng cao, cải thiện, thay đổi các phương thức truyền thống, tiếp nhận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe công cộng của hệ thống y tế cơ sở. *“Nuôi một đứa trẻ bây giờ không phải dễ. Ngày xưa có gì thì cho ăn đấy, nay không thể được. Dinh dưỡng cho con cái phải đầy đủ, có nghĩa là phải có tiền, phải dành tiền để làm việc đó, đấy là chưa kể đến chăm sóc y tế, ốm đau. Thông thường thì không sao, chỉ chẳng hạn bệnh này bệnh kia thì cũng phải có tiền cho con đi chữa bệnh”* (PV chị Ly Mây C., 1986, Cốc Lây, Lũng Vai). Các chương trình giáo dục của quốc gia và địa phương như phổ cập giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục nâng cao... đã thay đổi nếp sống, nếp nghĩ của người dân. Hiện nay, hầu hết trẻ em trong độ tuổi phổ cập giáo dục đều được đến trường. Không chỉ vậy, hầu hết các bậc phụ huynh đều đã có cái nhìn chuyển đổi về việc đầu tư học hành cho con cái, đặc biệt là ở các trình độ sau phổ cập, các khóa đào tạo hướng nghiệp và đào tạo đại học. *“Chúng tôi luôn mong muốn cho con em đi học lên cao, ra ngoài xã hội có mức lương tốt hơn ở nhà làm nông nghiệp”* (PV bà Lý Thị P., 1979, Na Lang, Lũng Vai). Nhìn chung, các yếu tố sinh đẻ ít, đầu tư cho chăm sóc sức khỏe thể chất và đầu tư giáo dục được nâng cao khiến đa số trẻ em ở vùng nghiên cứu ít có cơ hội tiếp cận hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên. Một mặt, vì trẻ em hiện nay dành phần lớn thời gian cho việc học và tìm kiếm các nguồn sinh kế mới, mặt khác, định hướng của cha mẹ cũng mong muốn con cái không phải vất vả “kiếm ăn” từ các hoạt động thu hái nguồn lâm sản tự nhiên từ rừng như bố mẹ chúng đang làm.

3.3. Đa dạng hóa nghề nghiệp và đi làm ăn xa

Việc xuất hiện ngày càng nhiều các ngành, nghề chế biến nông lâm sản hay các hoạt động dịch vụ và thương mại cũng khiến hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên giảm. Số người đi làm công trong các xưởng chế xuất, nhà máy ở Lũng Vai ngày càng nhiều. *“Công việc làm thêm cho thu nhập ổn định, lại không vất vả bằng đi rừng tìm lâm sản, mà lâm sản rừng cũng chỉ có theo mùa nhất định, thường chỉ kéo dài vài tháng trong khi công việc ở xưởng hoặc đi làm thuê có thường xuyên quanh năm”* (PV chị Lý Thị H., 1992, Na Lang, Lũng Vai). Tìm kiếm các cơ hội việc làm ngoài nông nghiệp và khai thác lâm sản chủ yếu ở nhóm người trẻ, những người có cơ hội được học tập, đào tạo chuyên môn cũng như tiếp cận được với khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Họ cũng ít bị ràng buộc bởi gia đình, việc chăm sóc và nuôi dạy con cái,... Trong khi đó, những người ở độ tuổi trung niên cho rằng bản thân ít được học hành, còn bị ràng buộc với các công việc trong gia đình nên khó đi ra ngoài tìm việc làm. *“Bọn trẻ bây giờ được học hành đào tạo thì kiếm việc dễ hơn, chúng nó có điều kiện đi ra ngoài làm việc kiếm tiền mang về. Chúng em cũng lớn tuổi rồi, trình độ thấp, còn ràng buộc gia đình, con cái nên cũng chỉ sống vậy thôi, đến mùa thì lên rừng tìm măng, không thì đi làm thuê, làm đổi công loanh quanh trong làng”* (PV bà Lý Thị K., 1976, Na Lang, Lũng Vai).

Đi làm ăn xa cũng là một trong những hoạt động giúp người Dao ở Lũng Vai ít phụ thuộc vào các hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên. Cho tới cuối năm 2021, địa bàn nghiên cứu đã ghi nhận có các hình thức đi làm ăn xa như sau:

- *Đi làm thuê bên kia biên giới*: Hoạt động này xảy ra ở hầu khắp các đối tượng từ thanh thiếu niên tới những người trung niên. Nam giới thường đi chở xe thuê, bốc xếp, khuân vác hàng hóa và vận chuyển hàng hóa qua biên giới qua các con đường tiểu ngạch; làm thuê trong trồng trọt cây ăn quả, cây công nghiệp, nông nghiệp,... Phụ nữ thì chọn việc làm thuê nông nghiệp, các công đoạn phân loại, đóng gói sản phẩm nông lâm sản,... Đối tượng chủ thuê đa phần là cộng đồng đồng tộc bên Trung Quốc. Một số ít khác có thể giao tiếp được bằng tiếng Trung Quốc thì lựa chọn các công việc cho thu nhập cao hơn, như nam giới thì đi làm thuê ở các trung tâm thị tứ, cửa khẩu; nữ giới chọn các công việc giúp việc, bán hàng ăn hay các cửa tiệm kinh doanh dịch vụ.

- *Làm thuê ở các thị tứ, thành phố lớn ở Việt Nam*: Phần lớn những người lựa chọn công việc này là các thanh niên, hoặc có cả thiếu niên nam nữ chưa lập gia đình. Họ đi giúp việc cho các gia đình khá giả, giúp việc quán ăn và các cửa tiệm kinh doanh dịch vụ khác.

- *Làm công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất trong và ngoài tỉnh ở Việt Nam*: Loại hình này mới chỉ rộ lên trong từ năm 2018, thu hút được nhiều thanh niên nam nữ, kể cả những người đã có gia đình. Đi làm công nhân được cho là lao động ổn định, có thu nhập thường xuyên ở mức cao, đủ điều kiện hỗ trợ về gia đình, song lại đòi hỏi trình độ học vấn và tay nghề cao hơn so với công việc làm thuê tự do.

3.4. Lâm sản tự nhiên đã bị khai thác cạn kiệt

Sức tái sinh của lâm sản tự nhiên bị ảnh hưởng nghiêm trọng khi chúng trở thành hàng hóa. Việc khai thác tận thu, tận diệt khiến trữ lượng tài nguyên, sản vật suy thoái nghiêm trọng, đặc biệt hơn là khi có các yếu tố phá hoại can thiệp vào quá trình thương mại hóa nguồn lâm sản tự nhiên ở Lũng Vai. Chẳng hạn như việc thương nhân Trung Quốc sang thu mua các loại lâm sản tự nhiên như củ sâm rừng, củ ba mươi năm 2014-2015; năm 2017 thu mua củ nghệ rừng, củ chín tâm; năm 2019 thu mua củ *ngống cha ma*; năm 2021 thu mua củ gừng rừng...; hết loại này lại tìm mua loại khác với hình thức mua số lượng lớn, thu mua cả tươi và khô, cả rễ và cành, giá cả ngày càng tăng cao. Hoạt động khai thác tự phát của người dân nhằm phục vụ nhu cầu của các thương lái này khiến môi trường rừng bị phá hủy, suy thoái nhanh chóng, lớp đất mặt rừng bị đào xới sâu, tước đoạt hệ rễ cây giữ đất khiến tốc độ xói mòn ngày càng lớn; hệ sinh cảnh bề mặt đá núi được hình thành khá chậm bị bào xới tro trọi, không có khả năng phục hồi... đây chính là những nguyên nhân sâu xa dẫn tới các hiện tượng thiên tai bất thường như lũ lụt, lở đất...

Việc thực hiện phong tỏa đường biên, chặn các đường giao thông, giao thương, buôn bán tiểu ngạch, dựng hàng rào dọc tuyến biên giới đã trực tiếp ảnh hưởng tới đồng bào khu vực biên giới nói chung và người Dao ở Lũng Vai nói riêng. Cụ thể là một bộ phận không nhỏ

người dân đi làm ăn qua biên giới nay bị mất việc làm, trở về địa phương và tìm kiếm các nguồn lợi từ rừng. Theo lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện Mường Khương, kể từ cuối năm 2019 đến nay, do cấm biên, do dịch bệnh COVID-19 diễn ra phức tạp khiến số lượng người mất việc làm từ nguồn đi làm ăn xa tăng lên; số lao động này trở lại địa phương tạo sức ép lên các hoạt động xâm hại tài nguyên rừng và xâm canh trên đất rừng, bao gồm cả rừng 661. Việc giải quyết vấn đề dư thừa lao động là bài toán nan giải mà địa phương phải giải quyết trong thời gian tới nếu không muốn mất thêm rừng.

Việc khai thác lâm sản không còn gói gọn trong cộng đồng người dân địa phương mà còn có sự góp mặt của người dân mới di cư tới. Hoạt động này tạo nên tâm lý khai thác, tận thu, tận diệt các nguồn tài nguyên lâm sản tự nhiên vì mình không làm thì người khác cũng làm. Mặt khác, các yếu tố thị trường cũng tác động sâu sắc tới nếp văn hóa truyền thống người Dao, giá trị đạo đức của cộng đồng bỗng trở nên mong manh trước sự tấn công của đồng tiền, khiến “*không ai nói được ai*”, các giá trị truyền thống dần bị lãng quên.

3.5. Chính sách quản lý bảo vệ rừng

Ngày 11/12/2014, Quyết định số 2242/QĐ-TTg về việc “Phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014 - 2020” cho thấy các cơ quan quản lý bắt đầu hạn chế cấp chỉ tiêu khai thác gỗ rừng tự nhiên. Cho đến năm 2017, tại Luật Lâm nghiệp sửa đổi, luật pháp Việt Nam tiếp tục thể hiện quan điểm “dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên trên cả nước”, với việc chấm dứt cho phép khai thác và tận thu gỗ rừng tự nhiên. Chủ trương này được thể chế hóa tại các Điều 29, 30, 31 và 31 Luật Lâm nghiệp năm 2017 về “đóng, mở cửa rừng tự nhiên”. Những chính sách trên được đề ra chủ yếu nhằm kiểm soát, ngăn chặn khai thác nguồn lâm sản gỗ tự nhiên với mục đích thương mại. Chính vì vậy, hoạt động khai thác lâm sản ở khu vực biên giới Việt - Trung cũng như ở huyện Mường Khương chủ yếu là khai thác lâm sản tự nhiên phi gỗ, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng tại chỗ của người dân và một phần cung ứng ra thị trường.

Ở cấp độ địa phương, tỉnh Lào Cai đã phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của 12 chủ rừng gồm Vườn Quốc gia Hoàng Liên, Khu Bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Văn Bàn, Khu Bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Bát Xát, 09 Ban quản lý rừng phòng hộ được thành lập ở các huyện, thị xã, thành phố với diện tích trên 200.000 ha. Chính sách này giúp kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác gỗ tự nhiên, đồng thời khai thác các loại lâm sản tự nhiên ngoài gỗ cũng được quản lý tốt hơn. Bên cạnh đó, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng được thực hiện trên địa bàn tỉnh Lào Cai từ năm 2011. Tổng số diện tích rừng quy đổi theo hệ số “k” của 18 lưu vực chính được hưởng tiền dịch vụ môi trường năm 2021 là hơn 163.364 ha với 18.803 chủ rừng là tổ chức và hộ gia đình. Trong đó, chủ rừng là tổ chức có 125.926,58 ha với 16 chủ rừng; hộ gia đình cá nhân có 37.437,84 ha với 18.679 hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn. Số tiền dịch vụ môi trường chi trả chủ rừng là tổ chức và hộ gia đình năm 2021 là hơn 104,4 tỷ đồng, trong đó chủ rừng là tổ chức hơn 81,6 tỷ đồng; hộ gia đình là hơn 22,8 tỷ đồng (Hồng Ninh, 2022). Đây là chính sách góp phần tích cực giảm thiểu hiện tượng xâm

canh, phá rừng, khai thác lâm sản trái phép trên địa bàn tỉnh Lào Cai nói chung và huyện Mường Khương nói riêng trong những năm gần đây.

Kết luận

Người Dao ở xã Lùng Vai huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai là cộng đồng cư dân biên giới Việt Nam - Trung Quốc, sống gắn bó chặt chẽ với môi trường rừng. Thông qua việc tìm hiểu hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên cho thấy rừng đối với đồng bào vừa là cơ sở kinh tế vừa là môi trường tạo ra đặc trưng văn hóa tộc người. Việc khai thác các nguồn lợi lâm sản tự nhiên phục vụ đời sống thường nhật không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh tồn mà còn chứa đựng các giá trị tri thức của con người trong quá trình tương tác với giới tự nhiên. Trong giai đoạn hiện nay, ngoài ý nghĩa phục vụ nhu cầu sinh tồn, hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên còn trở thành một hình thức sinh kế, đem lại giá trị kinh tế.

Khai thác lâm sản tự nhiên còn là nguồn thu quan trọng của một bộ phận người dân, đặc biệt là những người nghèo, người cao tuổi, người không có khả năng, điều kiện tham gia vào các hình thức đi làm ăn xa và cả những người không có điều kiện vật chất, đất đai để hình thành các loại hình sinh kế trồng trọt mới. Dù vậy, nguồn tài nguyên lâm sản ở Lùng Vai đang đứng trước nguy cơ rất rõ ràng mất đi không thể tái tạo, khôi phục. Lâm sản gỗ hầu như không còn các loại gỗ tốt, gỗ quý và vẫn đang phải đối mặt với việc tiếp tục mất đi cả những cây gỗ lớn, dù không có nhiều giá trị sử dụng tại chỗ nhưng có giá rất cao khi được đem ra khỏi rừng và trở thành hàng hóa. Các loại lâm sản sử dụng làm lương thực, thực phẩm cũng ngày một khan hiếm do môi trường rừng bị xâm hại đáng kể khi người dân khai thác ở ạt nhiều loại thực vật đặc hữu sống ở các sinh cảnh đặc biệt trong rừng như sâu dưới lòng đất, trong các khe đá hoặc trên bề mặt đá vôi phong hóa. Khai thác các loài thực vật này làm mất đi tính đa dạng sinh học bởi sinh cảnh bị hủy hoại rất khó phục hồi trong thời gian ngắn. Mặt khác, việc trồng mới rừng và xâm canh rừng để trồng đơn nhất một loại cây trong một khu vực là tác nhân làm mất đi tính đa dạng sinh học. Tài nguyên động vật rừng hiện đã suy thoái gần như hoàn toàn: các loại thú lớn không còn, các loại thú nhỏ bao gồm cả chim chóc và các loài gặm nhấm cũng không còn nhiều. Kể từ sau đại dịch COVID-19 và động thái rào chắn biên giới của Trung Quốc, nguồn lao động bên ngoài trở về và lao động dôi dư tại chỗ tăng lên, tỷ lệ thuận với việc phục hồi, mở rộng các hình thức tìm kiếm khai thác lâm sản. Đây thực sự là vấn đề đáng quan ngại của địa phương, cần phải có những nghiên cứu sâu và phương án, giải pháp cụ thể, kịp thời để góp phần gìn giữ, phục hồi nguồn sinh cảnh rừng.

Hiện nay, khi tốc độ đô thị hóa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa ngày càng nhanh và mạnh, hoạt động khai thác lâm sản tự nhiên của người Dao ở Lùng Vai đã và đang gặp các vấn đề về suy thoái tài nguyên, đa dạng sinh học, khó khăn trong việc quản lý bảo vệ rừng và mai một truyền thống văn hóa tộc người. Vấn đề cốt yếu là chỉ khi giữ được rừng, giữ được đa dạng sinh học mới mong giữ được nguồn vốn tri thức dân gian, góp phần phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Vì vậy, chính quyền các cấp và các ngành liên quan của địa phương cần có những chương trình, chính sách hợp lý vừa giữ được nguồn lợi từ rừng, vừa

đảm bảo an toàn môi trường, đảm bảo gìn giữ văn hóa tộc người. Để làm tốt công tác đó phải chăng cần nhận thức rõ vai trò của cộng đồng tộc người, đồng thời cần sự hỗ trợ mạnh mẽ của hệ thống pháp luật và tư vấn sát sao của các cơ quan nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Hồng Hạnh (Chủ biên, 2018), *Chuyển đổi sinh kế của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt - Trung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Bùi Bích Lan (2013), *Hoạt động mưu sinh của người Kháng ở xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La*, Luận án tiến sỹ, Học viện Khoa học xã hội.
3. Ramboo, Terry A. (1997), *Những xu hướng phát triển ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, Tập 1: Tổng quan và Phân tích*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Công Thảo (2022a), “Quá trình phát triển cây lâm sản ở một huyện vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc: nhìn từ yếu tố văn hóa tộc người”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 2, tr. 105 - 117.
5. Nguyễn Công Thảo (2022b), “Tính rủi ro trong quá trình thương mại hóa cây lâm sản ở khu vực biên giới huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 48-60.
6. Vương Xuân Tình (2005), “Nguồn thức ăn từ thiên nhiên và quản lý cộng đồng”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 3-12.
7. Ủy ban nhân dân xã Lũng Vai (2021), *Biểu mẫu: Thống kê, rà soát dân tộc thiểu số xã Lũng Vai (Thời điểm tháng 4/2021)*.
8. William D. Sunderlin, Huỳnh Thu Ba (2005), *Giảm nghèo và rừng ở Việt Nam*, CIFOR (Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế), Jakarta, Indonesia, trên trang https://www.cifor.org/publications/pdf_files/books/BSunderlin0501V0.pdf (Truy cập ngày 15/7/2022).